TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2025
V/v: *"Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Xuân Hiền
2. Ông Lê Văn Thừa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 480/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị T, sinh năm 1981
Địa chỉ: Số D, ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.
- *Bị đơn*: Ông Lê Thành T1, sinh năm 1980
Địa chỉ: Số D, ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị T *theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Bà và ông Lê Thành T1 thông qua quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, quận T, thành phố Cần Thơ vào ngày 03/8/2009. Quá trình chung sống có hai người con chung là Lê Thị Mỹ N (nữ), sinh ngày 04/6/2009 và Lê Thị Mỹ L (nữ), sinh ngày 26/6/2018.

Ban đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn. Ông T1 có người phụ nữ bên ngoài, thường xuyên vắng nhà để sinh sống cùng người phụ nữ khác. Bà vì thương hai đứa con nên đã nhiều lần bỏ qua nhưng ông T1 vẫn không chịu thay đổi. Mặt khác, bà và ông T1 bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải với nhau làm cho hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được. Bà và ông T1 không còn sống chung với nhau. Nay, cảm thấy không còn chung sống được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có hai người con chung là Lê Thị Mỹ N (nữ), sinh ngày 04/6/2009 và Lê Thị Mỹ L (nữ), sinh ngày 26/6/2018. Sau khi ly hôn bà xin giành quyền trực tiếp nuôi con chung. Không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía ông Lê Thành T1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập nhưng ông không đến Tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai, vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn xin giành quyền trực tiếp nuôi hai người con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị T và ông Lê Thành T1 có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân hợp pháp thuộc Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Thành T1 có địa chỉ cư trú tại số D, ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Thành T1 vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị T, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn do ông T1 có người phụ nữ bên ngoài, thường xuyên vắng nhà để sinh sống cùng người phụ nữ khác. Bà T vì thương hai đứa con nên đã nhiều lần bỏ qua nhưng ông T1 vẫn không chịu thay đổi. Mặt khác, bà T và

ông T1 bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải với nhau làm cho hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được. Hiện nay bà T không còn tình cảm với ông T1 nữa.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Nguyên đơn bà T trình bày đã cho bị đơn ông T1 nhiều cơ hội nhưng ông T1 không thay đổi, ông bà đã không sống chung với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể vận động đoàn tụ do ông bà không còn sự yêu thương, tin tưởng nhau trong cuộc sống nên bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có hai người con chung như đã trình bày như trên. Bà T xin giành quyền trực tiếp nuôi cả ba người con chung. Từ nhỏ bà T đã chăm sóc các cháu và cho đi học ổn định. Hội đồng xét xử thiết nghĩ, cần tiếp tục giao các cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các cháu về thể chất và tinh thần. Bà T tại phiên tòa, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn ông T1 được quyền thăm nom, giáo dục con chung và không ai được quyền cản trở bị đơn thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên nên không xem xét giải quyết. Tách phần tài sản chung và nợ chung ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T đối với bị đơn ông Lê Thành T1.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phan Thị T được ly hôn với ông Lê Thành T1.

Về con chung: Giao con chung Lê Thị Mỹ N (nữ), sinh ngày 04/6/2009 và Lê Thị Mỹ L (nữ), sinh ngày 26/6/2018 cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T1 không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008322 ngày 28/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Trung Hậu

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ;
- UBND P. Tân Hưng, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ;
- Đương sự.
- Lưu.